

Bản án số: 10/2020/DS-PT
Ngày 18 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình;
Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLPT-DS ngày 20/3/2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐ-PT ngày 27/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng T. Địa chỉ: Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy ủy quyền số: 16/UQ-CNH.15 ngày 16/01/2015 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.

Địa chỉ: Phường An Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Trần N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bà Trương Thị Thúy H: Anh Trần Mẫn Đ. Địa chỉ: Phường An Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, Luật sư của Văn phòng luật sư Huế (Huelaw), thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Thành phố Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- *Về phía Ngân hàng trình bày:* Ngày 17/01/2012 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh H (gọi tắt là Ngân hàng A) với vợ chồng ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H có ký Hợp đồng tín dụng HUE.CN.06130112 với số tiền vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, phương thức vay trung dài hạn, mục đích mua bất động sản để ở, lãi suất vay trong hạn 21%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân cho vợ chồng ông N, bà H số tiền 1.600.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn ông N bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 29/12/2014 Ngân hàng A đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay này. Đến ngày 31/12/2019 ông N, bà H đã trả được số tiền nợ gốc là 228.576.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 331.564.289 đồng, tổng cộng: 560.140.289 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông Trần N bà Trương Thị Thúy H còn nợ số tiền nợ gốc là: 1.371.424.000 đồng, lãi trong hạn: 571.698.649 đồng; lãi quá hạn: 1.808.379.115 đồng. Tổng cộng: **3.751.501.764 đồng**.

- Ngày 14/01/2012, Ngân hàng A cấp tín dụng cho ông Trần N, hiệu lực thẻ 36 tháng, mục đích cấp thẻ để tiêu dùng, lãi suất trong hạn của thẻ là 25,8%/năm, lãi suất quá hạn là 38,7%/năm. Với số tiền cấp tín dụng là 200.000.000 đồng. Ngày 19/01/2012, ông Trần N rút tiền mặt của khoản thẻ tín dụng là 192.000.000 đồng, bao gồm 190.000.000 đồng ông N rút tại quầy giao dịch của Ngân hàng A - Chi nhánh H và 2.000.000 đồng rút tại quầy ATM. Còn 8.000.000 đồng Ngân hàng trừ phí rút tiền mặt. Đến ngày 14/01/2013 ông N đã thanh toán được số tiền 62.673.208 đồng. Từ ngày 14/01/2013 đến nay khách hàng không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm khách hàng còn nợ khoản thẻ tín dụng là: Nợ gốc: 190.467.372 đồng, lãi trong hạn: 70.434.834 đồng, lãi quá hạn: 414.828.413 đồng. Tổng cộng: 675.730.619 đồng.

Tổng cộng 2 khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Nợ gốc: 1.561.891.372 đồng, nợ lãi trong hạn: 642.133.483 đồng, lãi quá hạn: 2.223.207.528 đồng. Tổng cộng: **4.427.232.383 đồng**.

Nay Ngân hàng A đề nghị ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H trả số tiền còn nợ nói trên cho Ngân hàng A. Ngoài ra phải chịu khoản tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 theo lãi suất tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

- *Về tài sản bảo đảm:* Ông N bà H đã ký Hợp đồng thế chấp số HUE.BD.CN.04130112 ngày 13/01/2012, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24-2 tờ bản đồ số 21 tại thôn Tứ Đ, xã Thủy A, thành phố H, được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

ngày 30/10/2001. Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trường hợp ông N và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

- Về phía bà Trương Thị Thúy H trình bày:

- Ngày 10/01/2012 chồng bà là ông Trần N có cho ông Ngô Phương Đ mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng A và cũng ký một loạt giấy tờ vay tiền để tạo điều kiện cho ông Đ. Sau khi ký các giấy tờ thì bà Võ Thị Hoài P là cán bộ tín dụng của Ngân hàng A không giao lại hồ sơ tín dụng cho vợ chồng bà. Việc nhận tiền tại Ngân hàng chồng bà hoàn toàn không biết, vụ việc này vợ chồng bà đã đề nghị Công an kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế điều tra làm rõ.

- Theo bà H trình bày thì toàn bộ giao dịch với ngân hàng bà đã tin tưởng giao hết cho bà Lê Thị Hồng D giám đốc Công ty TNHH Khánh Đ thực hiện, cùng với nhân viên ngân hàng là cô P với mục đích vay 1.600.000.000 đồng để trừ nợ cho Công ty Khánh Đ chứ không phải là mua bất động sản, cũng như số tiền 200.000.000 đồng từ thẻ tín dụng bị cô P trực tiếp nhận tiền, nhưng sau đó 5 ngày cô P đã hoàn thiện thủ tục tại nhà riêng.

- Đối với ông Trần N trình bày:

Toàn bộ việc vay tiền nói trên là do vợ ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Lê Thị Hồng D là giám đốc, ông Ngô Phương Đ là thành viên góp vốn của Công ty Khánh Đ đã lừa ông ký các giấy tờ với Ngân hàng A để vay tiền xây, mở rộng khách sạn Gold, trong lúc đó ông không biết gì hết, việc vay tiền này bà P nhân viên Ngân hàng A giúp đỡ. Ông cho rằng hành vi của bà P đã làm sai lệch hồ sơ khế ước vay dùng tiền kinh doanh đem trả lãi ngân hàng, liên quan tới hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình ông. Việc này ông đã có gửi đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị giải quyết.

Do ông không biết nội dung của hợp đồng vay tiền, ông không có nhận tiền, nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đưa vụ án ra xét xử và quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326 . Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H phải trả cho Ngân hàng A số tiền vay của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn ngày 17/01/2012 với số tiền nợ gốc: 1.371.424.000 đồng, lãi trong hạn: 571.698.649 đồng, lãi quá hạn: 1.808.379.115 đồng. Tổng cộng: 3.751.501.764 đồng;

- Buộc ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H phải trả cho Ngân hàng A số tiền vay của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 13/01/2012 với số tiền nợ gốc: 190.467.372 đồng, lãi trong hạn: 70.434.834 đồng, lãi quá hạn: 414.828.413 đồng. Tổng cộng: 675.730.619 đồng.

Tổng cộng buộc ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H phải trả cho Ngân hàng A 2 khoản vay nêu trên với số tiền: Nợ gốc: 1.561.891.372 đồng, nợ lãi trong hạn: 642.133.483 đồng, lãi quá hạn: 2.223.207.528 đồng. **Tổng cộng: 4.427.232.383 đồng.**

Trường hợp ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H không trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Ngày 14/01/2020 ông N bà H, người đại diện theo pháp luật cho bà H viết đơn kháng cáo bản án nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm vì không thu thập, đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, đúng Pháp luật. Nhiều tình tiết trong vụ án chưa được chứng minh làm rõ, đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến cho rằng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Hợp đồng tín dụng số HUE.CN.06130112 Ngày 17/01/2012 giữa Ngân hàng A và ông N bà H để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay mua bất động sản để ở, lãi suất vay 21%/năm.

Ngày 13/01/2012 ông Trần N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, mức lãi suất và cách tính lãi được quy định chi tiết tại biểu lãi suất do Ngân hàng A phát hành trong từng thời kỳ.

Mặc dù toàn bộ hồ sơ vay tiền và hồ sơ thế chấp đều do ông N bà H ký. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử ông N cho rằng ông không nhận tiền vay của ngân hàng mà do Công ty Khánh Đ nhận tiền vay của ngân hàng đồng thời có sự hỗ trợ giúp đỡ hợp thức hóa chứng từ của cán bộ ngân hàng là bà Võ Thị Hoài P nên ông nhiều lần làm đơn tố cáo đề nghị cơ quan công an điều tra làm rõ sự thật việc vay tiền và hợp đồng thế chấp tài sản của vợ chồng ông N.

Trong quá trình giải quyết cơ quan Công an điều tra của tỉnh cũng có nhiều văn bản trả lời cho Tòa án thành phố H, gần nhất là công văn số 131/CAT-PC46 ngày 17/7/2018 có nội dung *“Do tính chất phức tạp của vụ việc, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế đang tiến hành điều tra, xác minh các nội dung theo đơn tố cáo”* (BL 223) và công văn số 533/CSĐT-PC03 ngày 29/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục trả lời cho Tòa án thành phố H là *“đang thụ lý giải quyết theo quy định”* (BL 230).

[2.2] Hơn nữa trong vụ án này cần xác minh làm rõ việc bà Lê Thị Hồng D, giám đốc Công ty TNHH Khánh Đ, với bà Võ Thị Hoài P, nhân viên ngân hàng giao tiền cho ai, xác minh việc ông Trần N có biết mục đích vay tiền để làm gì không và thực tế ông N không nhận tiền và cũng không biết bà H ký phiếu nhận tiền để làm gì. Để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng.

Trong trường hợp vay mua bất động sản thì có tài liệu gì chứng minh là vợ chồng ông N đang cần vay tiền để thanh toán hợp đồng mua bất động sản không? Cần làm rõ việc ngân hàng có biết thực chất việc vay tiền của vợ chồng ông N là hợp thức hóa để trả nợ lãi cho Công ty Khánh Đ hay không.

Lẽ ra trong trường hợp này để giải quyết triệt để vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh làm rõ các mối quan hệ vay và thanh toán tiền vay, đồng thời cần phải chờ sự giải quyết cụ thể của cơ quan cảnh sát điều tra. Nhưng Tòa án lại đưa ra xét xử trong khi cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế đang thụ lý tiến hành điều tra, xác minh các nội dung tố cáo có liên quan đến vụ án là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 BLTTDS.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm đã có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 69/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. giữa:

- *Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.*

Địa chỉ: Phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

- *Bị đơn: Ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H.*

Địa chỉ: 3/139 Đặng Văn Ngữ, phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân án thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần N và bà Trương Thị Thúy H không phải chịu, hoàn trả cho ông N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 009189 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND Tp H;
- Chi cục THADS Tp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

LA MINH TƯỜNG